**MỤC LỤC**

[1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN 2](#_Toc138165440)

[1.1. Thông tin chung về Dự án 2](#_Toc138165441)

[1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư 3](#_Toc138165442)

[1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan 3](#_Toc138165443)

[2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG 4](#_Toc138165444)

[2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM 4](#_Toc138165445)

[2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án 11](#_Toc138165446)

[2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường 11](#_Toc138165447)

[3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM 11](#_Toc138165448)

[4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG 12](#_Toc138165449)

[5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM 13](#_Toc138165450)

[5.1. Thông tin về dự án 13](#_Toc138165451)

[5.1.1. Thông tin chung 13](#_Toc138165452)

[5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất 13](#_Toc138165453)

[5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 14](#_Toc138165454)

[5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường 19](#_Toc138165455)

[5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án 20](#_Toc138165456)

[5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án 21](#_Toc138165457)

[5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án 22](#_Toc138165458)

[5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án 22](#_Toc138165459)

[5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án 28](#_Toc138165460)

[KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 31](#_Toc138165461)

[1. Kết luận 31](#_Toc138165462)

[2. Kiến nghị 31](#_Toc138165463)

[3. Cam kết của chủ dự án đầu tư 31](#_Toc138165464)

# 1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

## 1.1. Thông tin chung về Dự án

Huyện Trực Ninh nằm tại khu vực trung tâm theo địa giới hành chính của tỉnh Nam Định, là đầu mối giao lưu trung chuyển giữa thành phố Nam Định với các huyện phía Nam tỉnh, toàn huyện có 18 xã, 1 đô thị và 2 thị trấn. Thị trấn Cổ Lễ là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội của huyện, cách thành phố Nam Định 15 km, thị trấn Cát Thành là trung tâm kinh tế phát triển tương đối năng động của huyện.

Trong những năm gần đây, hệ thống kết cấu hạ tầng cơ sở của huyện được quan tâm đầu tư xây dựng với nhiều công trình trọng điểm đã tạo dựng nền tảng và thêm nhiều cơ hội mới cho sự phát triển của Huyện. Chính vì vậy, để có cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch hàng năm, có định hướng đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, xúc tiến, thu hút đầu tư… cũng như phát huy cao tiềm năng và thế mạnh của Huyện cần phải có đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện. Việc lập Quy hoạch Xây dựng vùng huyện Trực Ninh là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết đáp ứng yêu cầu về tổ chức không gian dân cư đô thị, nông thôn, vùng du lịch, vùng sản xuất công nghiệp, nông nghiệp... tạo lập sự liên kết phát triển giữa các vùng trong huyện theo hướng lâu dài và bền vững.

Thị trấn Ninh Cường nằm ở phía Nam của huyện Trực Ninh được xây dựng trên cơ sở nâng cấp toàn bộ phần đất đai của xã Trực Phú với diện tích tự nhiên là 7,41 km2, dân số khoảng 10.000 người. Thị trấn Ninh Cường đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung xây dựng theo Quyết định 1163/QĐ-UBND ngày 16/6/2008 và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng theo Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 27/12/2021. Hiện nay thực trạng phân bố các điểm dân cư nông thôn hiện nay trên địa bàn thị trấn chủ yếu theo hướng tự phát, việc cấp đất giãn dân ở thị trấn chủ yếu thực hiện theo hướng bám sát tuyến Quốc lộ 37B và các trục đường chính hoặc liền kề với các khu dân cư cũ, chưa đảm bảo tính khoa học, phát sinh nhiều khó khăn trong quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng phát triển hạ tầng cơ sở ở nông thôn; hiệu quả kinh tế từ đấu giá quyền sử dụng đất các khu dân cư chưa cao. Bên cạnh đó, xu hướng tách hộ theo mô hình gia đình nhỏ dẫn đến tăng nhu cầu nhà ở vùng nông thôn cũng đặt ra yêu cầu phải phát triển các khu dân cư tập trung, hình thành hệ thống các đô thị vệ tinh theo đúng quy hoạch, tạo bước phát triển đột phá về hạ tầng cơ sở, tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu về nhà ở, điều chỉnh mật độ dân cư, giúp địa phương giảm áp lực về nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh nhằm tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân. Hình thành khu dân cư tập trung văn minh hiện đại góp phần điều chỉnh dân cư của thị trấn, tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân. Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung để có nguồn kinh phí đầu tư các công trình hạ tầng của huyện và của thị trấn.

Để đảm bảo phát triển về nhà ở với các kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng văn minh, hiện đại, ngày 26/04/2022 HĐND tỉnh Nam Định đã có nghị quyết số 46/NQ-HĐND về việc quyết định chủ chương đầu tư dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh.

Tổng diện tích khu đất quy hoạch: 5,4 ha, quy mô dân số dự kiến khoảng 1550 người. Các hạng mục đầu tư: San lấp mặt bằng; Đường giao thông nội bộ; Hồ điều hòa; Hệ thống thoát nước mưa; Hệ thống thoát nước thải; Hệ thống cấp nước sinh hoạt + Phòng cháy chữa cháy; Khuôn viên cảnh quan cây xanh; Bể xử lý nước thải; Xây dựng các trạm biến áp và cấp điện sinh hoạt; Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30, điểm đ khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và mục số 6 cột 3 phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường. Dự án có diện tích khoảng 91.381,9m2 là diện tích đất trồng lúa 02 vụ chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định phê duyệt.

## 1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

## 1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan

Dự án được thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

- Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 16/06/2008 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Ninh Cường đến năm 2020;

- Quyết định 2843/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh;

- Thông báo số 79/TB-UBND ngày 23/03/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh;

- Căn cứ nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 26/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh;

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND huyện Trực Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh;

Như vậy, dự án được thực hiện phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Nam Định cũng như của huyện Trực Ninh, để nâng cao đời sống của người dân địa phương, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và đáp ứng nhu cầu về nhà ở và phát triển kinh tế địa phương.

# 2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

## 2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

***\* Lĩnh vực bảo vệ môi trường***

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường;

- Thông tư số 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

***\* Lĩnh vực tài nguyên nước***

- Luật tài nguyên nước 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ: Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định về việc phê duyệt “ Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ”;

- TCXDVN 33:2006 cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế.

***\* Lĩnh vực đất đai***

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về Đất đai;

 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật liệu kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 46/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi ( nuôi trồng thủy sản ) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Nam Định áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024;

- Quyết định số 1970/2020/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tình Nam Định về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Văn bản số 254/UBND-VP5 ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng, kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

***\* Lĩnh vực xây dựng***

- Luật Xây dựng năm 2014;

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13;

- Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 có hiệu lực từ 01/01/2019;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

- Thông tư số 01/2016/BXD ngày 26/10/2016 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;

- Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về quy định hồ sơ của nhiệm và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Nghị định 44/2016 ngày 15/5/2016 về quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 16/10/2016 của Bộ xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

- Quy chuẩn 07-2016/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

***\* Lĩnh vực phòng cháy chữa cháy***

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9, có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sử đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- TCVN 2622:1995 – Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 3890:2009 – Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- TCVN 33:2006/BXD về Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

***\* Lĩnh vực điện***

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 3/12/2004 và Luật sửa đổi bổ xung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP;

- Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

***\* Lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai***

 - Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật phòng chống thiên ta số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

- Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

- Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thôn và hạ tầng kỹ thuật khác;

- Nghị Quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền phê duyêt đề án co thuê quyền khai thác và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Nam Định và các quy đinh pháp lý liên quan.

***\* Các quy chuẩn áp dụng trong báo cáo***

*- Tiêu chuẩn quy chuẩn thiết kế:*

+ TCXDVN 33:2006: Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 7957-2008: Thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài;

+ TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5574-1991: Kết cấu bê tông cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5573-1991: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 205-1998: Móng cọc, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5575-1991: Kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế;

 + TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;

 + TCVN 9206:2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng;

+ QCVN 41:2016/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

+ QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

 + TCVN 2737:1995: Tải trọng và tác động – tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4054:2005 – Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế;

+ TCXDVN104:2007- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

+ 22 TCN 211-06- Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

*- Quy chuẩn về môi trường:*

+ QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.

## 2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án

- Quyết định 2843/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh;

- Thông báo số 79/TB-UBND ngày 23/03/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh;

- Căn cứ nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 26/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh;

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND huyện Trực Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh;

## 2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Thuyết minh dự án Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh.

- Các giấy tờ pháp lý liên quan đến dự án Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh.

# 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM

**- Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện và lập ĐTM**

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là việc phân tích, đánh giá, dự báo các tác động môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó (khoản 7 điều 3 của Luật BVMT).

**- Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:**

+ Nghiên cứu dự án: Nghiên cứu dự án khả thi, thuyết minh quy hoạch chi tiết do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát sơ bộ về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Giúp chủ dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

**- Nội dung và cấu trúc:**

Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

# 4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

 *Các phương pháp ĐTM:* Báo cáo đánh giá tác động môi trường được nghiên cứu, xây dựng dựa trên các cơ sở dữ liệu tin cậy, chi tiết và sử dụng các phương pháp khoa học, phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

- Phương pháp sử dụng bản đồ (Áp dụng tại chương I của báo cáo): Sử dụng các bản đồ để xác định khu vực thực hiện dự án, các đối tượng xung quanh.

- Phương pháp so sánh: Đánh giá chất lượng môi trường trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn /quy chuẩn môi trường liên quan.

- Phương pháp nhận dạng (Áp dụng tại chương II của báo cáo):

+ Mô tả các thành phần môi trường;

+ Xác định tác động của dự án ảnh hưởng đến môi trường;

+ Nhận dạng đầy đủ các tác động, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

- Phương pháp đánh giá nhanh (Áp dụng tại chương III của báo cáo): Trong quá trình đánh giá còn sử dụng phương pháp đánh giá nhanh dựa vào số liệu phát thải của các chất khí, bụi, tiếng ồn do tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra. Kết quả của phương pháp này có độ tin cậy cao và là cơ sở để đánh giá sơ bộ các nguồn ô nhiễm cũng như các biện pháp giảm thiểu kèm theo.

- Phương pháp lấy mẫu, phân tích hiện trạng môi trường: Phương pháp này nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước mặt, không khí xung quanh tại khu vực dự án. Tập hợp các số liệu đã thu thập và lấy mẫu sau đó phân tích trong phòng thí nghiệm. Quá trình đo đạc, lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm luôn tuân thủ các quy định của Việt Nam. Trên cơ sở các kết quả phân tích, dự báo những tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc so sánh với các Quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành. Kết quả phân tích hiện trạng môi trường được thể hiện trong chương II của báo cáo và đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

- Phương pháp so sánh, đối chứng: Dùng để đánh giá hiện trạng và tác động trên cơ sở so sánh số liệu đo đạc hoặc kết quả tính toán với các giới hạn cho phép trong các QCVN, TCVN còn hiệu lực. Phương pháp này được sử dụng trong chương II, III của báo cáo, trên cơ sở kết quả phân tích, tính toán so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Phương pháp tham vấn cộng đồng: Tiến hành tham vấn, họp với lãnh đạo UBND xã nhằm thu thập thông tin kinh tế xã hội, vệ sinh môi trường khu vực dự án phục vụ cho báo cáo ĐTM tại mục 2.2. điều kiện kinh tế - xã hội tại Chương II và Chương V của báo cáo.

# 5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

## 5.1. Thông tin về dự án

### 5.1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: “Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh’’.

- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Trực Ninh.

- Người đại diện: Ông Phạm Trọng Duy; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trực Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Trực Ninh: Ông Vũ Xuân Đạt; Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án.

### 5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

Dự án “Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh’’ với diện tích 5,4 ha với các vị trí tiếp giáp như sau:

 - Phía Đông giáp: Tổ dân phố Bắc Trung Nam;

 - Phía Tây, phía Nam giáp: Tổ dân phố Tây Lương Bình;

 - Phía Bắc giáp: Tổ dân phố Đông Bắc.

***\* Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án:***

- Khu vực xây dựng hiện trạng là đất ruộng, bờ đất giao thông và mương tưới tiêu nước vì vậy trước khi xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho điểm dân cư cần phải thực hiện công tác san lấp mặt bằng.

- Khu đất dự kiến xây dựng khu tái định cư có tổng diện tích 104.068m2, bao gồm đất canh tác nông nghiệp, mặt nước và đường giao thông.

- Hiện trạng xây dựng tổng hợp khu dân cư (dân số, sử dụng đất đai, công trình hạ tầng xã hội, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật).

+ Đường bê tông phía Bắc tiếp giáp khu đất quy hoạch có B nền 3,0-3,5m.

+ Đường trục thị trấn nằm cách khu đất quy hoạch về phía Đông khoảng 200m là đường bê tông có B nền = 7,5-8,0m.

***\* Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án***

*(1). Mục tiêu của dự án*

- Tạo quỹ đất để đáp ứng nhu cầu về đất cho nhân dân trong và ngoài xã.

- Tạo không gian kiến trúc cho khu dân cư khang trang, có cơ sở hạ tầng kĩ thuật tốt, đảm bảo cho cuộc sống của các hộ đến nơi ở mới thuận tiện hơn, tạo tiền đề cho việc phát triển các điểm dân cư khác và giải quyết nhu cầu nhà ở trong tương lai.

 *(2). Quy mô dự án*

Đầu tư xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định với diện tích 5,4 ha, bao gồm các hạng mục công trình như sau:

- San lấp mặt bằng;

- Đường giao thông nội bộ, hồ điều hòa;

- Hệ thống thoát nước mưa;

- Hệ thống thoát nước thải;

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt + Phòng cháy chữa cháy;

- Khuôn viên cảnh quan cây xanh;

- Bể xử lý nước thải;

- Xây dựng các trạm biến áp và cấp điện sinh hoạt;

- Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông.

*(3). Loại hình dự án:* Dự án thuộc nhóm B (Thuộc loại hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật).

### 5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

***A. Các hạng mục công trình***

 Toàn bộ khu đất được phân ra 4 chức năng sử dụng, bao gồm: Đất ở mới, đất hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh và đất giao thông. Cụ thể:

- Đất ở : Tổng diện tích 47.238m2 (đất chia lô nhà ở liền kề là 33.599m2 và đất biệt thự 13.639m2).

- Đất hạ tầng kỹ thuật: Bao gồm hệ thống cống thoát nước thải sinh hoạt nằm giữa các lô đất ở. Tổng diện tích là 6.112m2.

- Đất cây xanh: Gồm khu đất cây xanh nằm ở trung tâm khu đất quy hoạch diện tích 5.068m2 và 1 khu cây xanh nằm ở phía Nam khu đất quy hoạch diện tích 1.572m2. Tổng diện tích đất cây xanh là 6.640m2.

- Đất công cộng: Bố trí xây dựng nhà văn hóa phục vụ cho khu tái định cư và khu dân cư tập trung, diện tích là 1.000m2.

- Đất giao thông: Toàn bộ khu đất quy hoạch gồm 7 trục ngang và 4 trục dọc tạo thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh, tổng diện tích đất giao thông là 43.078m2.

Bảng 1: Tổng hợp sử dụng đất quy hoạch

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại đất** | **Diện tích (m2)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Đất ở  | 4.217,2  | 45,37 |
| 2 | Đất hạ tầng kỹ thuật | 6,112 | 5,87 |
| 3 | Đất cây xanh, mặt nước | 6.379,9  | 6,13 |
| 4 | Đất công cộng | 1.003,5 | 0,97 |
| 5 | Đất giao thông | 43.354,6 | 41,66 |
| **TỔNG CỘNG (1+2+3)** | **104.067,2** | **100** |

*( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh).*

1. ***San nền***

- Diện tích san nền: 104.0674,2m2, chiều cao san lấp trung bình khoảng 1m.

- Dọn dẹp mặt bằng, đào hữu cơ trong phạm vi đường trước khi san nền.

- Đắp bờ bao chắn cát san lấp tại những vị trí giáp ranh với đất ruộng.

- Đắp cát toàn bộ mặt bằng xây dựng, độ cao đắp trung bình cốt + 1m, với độ dốc là i=0,003÷0,004 đảm bảo thoát nước tự chảy và mối liên hệ hữu cơ giữa nền với các tuyến đường bao quanh khu đất.

- Độ chặt đầm nén của nền đắp: toàn bộ khu vực đắp cát đầm chặt với độ chặt k = 0,90, lòng đường đầm chặt k = 0,95.

1. ***Quy hoạch chia lô***

Toàn khu dân bao gồm 389 lô, trong đó:

- Nhà liền kề có 347 lô: lô nhỏ nhất là 70,48m2, lô lớn nhất là 393,5m2. Trong đó 2 loại:

- Lô liền kề có diện tích điển hình là 95m2 (chiều dài 19m, chiều rộng 5m), 100 m2 (chiều dài 20m, chiều rộng 5m),

- Lô biệt thự có diện tích điển hình là 304m2 (chiều dài 19m, chiều rộng 16m).

1. ***Hệ thống giao thông***

**-** Quy hoạch trục giao thông chính là đường D3 kéo dài có chiều dài 440m: Mặt cắt 22m (4+14+4).

- Quy hoạch các tuyến giao thông nội bộ:

+ Mặt cắt 17m (4+9+4)

+ Mặt cắt 15m (4+7+4)

+ Mặt cắt 13m (4+7+2)

- Kết nối giao thông giữa khu tái định cư với giao thông của khu dân cư cũ thị trấn Ninh Cường như sau:

+ Kết nối đường D3 vào đường bê tông phía Bắc khu đất quy hoạch.

**Bảng 3: Thống kê hệ thống giao thông**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đường** | **Chiều dài (m)** | **Lộ giới (m)** | **Hè + Mặt đường + Hè (m)** |
| 1 | Đường N1 | 181 | 15 | 4 + 7 + 4 |
| 2 | Đường N2 | 131 | 15 | 4 + 7 + 4 |
| 3 | Đường N3 | 203 | 15 | 4 + 7 + 4 |
| 4 | Đường N4 | 221 | 17 | 4 + 9 + 4 |
| 5 | Đường N5 | 232 | 15 | 4 + 7 + 4 |
| 6 | Đường N6 | 211 | 15 | 4 + 7 + 4 |
| 7 | Đường N7 | 200 | 15 | 4 + 7 + 4 |
| 8 | Đường D1 | 352 | 15 | 4 + 7 + 4 |
| 9 | Đường D2 | 94 | 15 | 4 + 7 + 4 |
| 10 | Đường D3 | 440 | 22 | 4 + 14 + 4 |
| 11 | Đường D4 | 498 | 13 | 4 + 7 + 2 |

*( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh).*

1. ***Hệ thống thoát nước***

*\* Hệ thống thoát nước mặt:*

- Hệ thống thoát nước mưa dọc trên hè thiết kế cống xây với tiết diện cống là B500, đỉnh cống cách mặt hè trung bình 20cm, đỉnh nắp ga bằng mặt hè, các đoạn qua đường dùng cống hộp BTCT chịu lực B500, các ga thu nước đặt với khoảng cách trung bình 35m, hướng thoát nước của khu đất quy hoạch thoát ra sông Dầm.

*\* Hệ thống thoát nước thải:*

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trong khu đất quy hoạch. Cống thoát nước thải phía sau các ô đất là cống xây B300, các đoạn cống qua đường dùng cống tròn BTCT đường kính D400. Nước thải được thu gom, dẫn thoát về bể xử lý nước thải bố trí trong khu cây xanh tập trung, công suất bể xử lý 90m3/ngđ. Sau khi qua bể xử lý, nước được dẫn thoát về sông Dầm.

1. ***Hệ thống cấp nước***

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng cụt.

- Nguồn nước sạch cấp cho khu đất quy hoạch lấy từ nhà máy nước của thị trấn, đấu nối cấp nước cho khu đất với tuyến ống cấp nước sạch D110 trên trục chính thị trấn phía Đông Bắc của khu tái định cư và khu dân cư.

- Nước chữa cháy sử dụng hệ thống chữa cháy áp lực thấp.

- Bố trí các tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ trên hè, khoảng cách từ chỉ giới đến tim ống phân phối là 0,5m từ chỉ giới đến tim đường ống dịch vụ là 0,3m

- Chiều sâu đặt ống đến đỉnh ống trung bình khoảng 0,8-1m. Tại các góc bố chuyển bố trí van, tê nhựa, cút nhựa. Đường trục cấp nước từ ngoài vào sử dụng ống D110 – HDPE, có bố trí 7 trụ cứu hỏa.

- Thi công tuyến ống đến đâu lấp đất đầm chặt từng lớp với hệ số k = 0,9 đến đấy, đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật về công tác lấp đất, chống đẩy nổi ống.

1. ***Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng***

*\* Hệ thống cấp điện sinh hoạt*

- Phần xây dựng hệ thống cấp điện sinh hoạt 0,4kV.

Sử dụng cáp vặn xoắn 0,4kV ruột nhôm, treo nổi trên hệ thống cột điện bê tông ly tâm cao 10m trồng trên hè các tuyến đường trong khu dân cư bởi các phụ kiện chuyên dụng cho tuyến cáp vặn xoắn. Một số cột được bố trí kết hợp lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng các tuyến đường.

- Xây dựng tuyến cáp trung thế 24kV treo nổi từ cột dấu đến ngăn tủ RMU của trạm biến áp T1: S=320kVA-22/0,4kV và trạm biến áp T2: S=320kVA-22/0,4kV. Cáp trung thế treo nổi trên hệ thống cột điện bê tông ly tâm. Khoảng cách từ đường cáp điện cách đều mép bó vỉa hè khu dân cư một khoảng a = 750mm (giữa mép trong bó vỉa và hè đường).

- Xây dựng mới các TBA T1: 320kVA-22/0,4kV, TBA T2: 320kVA-22/0,4kV cấp điện cho khu quy hoạch: TBA xây dựng kiểu trạm treo, các thiết bị đóng cắt, bảo vệ phía 22kV, máy biến áp và tủ điện hạ thế lắp đặt trên 02 cột bê tông ly tâm.

- Hộp công tơ: Sử dụng loại hộp chứa 02 và 04 công tơ hạ thế 1 pha chế tạo bằng vật liệu composite. Tủ được treo trên các cột điện bê tông ly tâm bởi các bộ đai thép và khóa đai thép không rỉ. Bố trí lắp đặt phần hộp công tơ, dây từ đường trục xuống hộp công tơ. Phần công tơ hạ thế 1 pha do Điện lực đầu tư lắp đặt và dây từ sau công tơ đến phụ tải sinh hoạt do người dân tự đầu tư.

*\* Hệ thống điện chiếu sáng*

- Hệ thống cấp nguồn chiếu sáng:

Xây dựng hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trong khu dân cư được cấp điện từ tủ điện chiếu sáng (TĐKCS). Tủ TĐKCS cấp điện cho hệ thống bộ đèn cao áp LED 120W. Tuyến cáp chiếu sáng bằng cáp đồng treo nổi trên các cột BTLT bởi các bộ coulier treo cáp & tăng đơ căng dây cáp thép mạ treo cáp điện. Cáp nguồn cấp điện cho các đèn sử dụng các loại cáp treo Cu/XLPE/PVC-0,6/1kV (CEV): (4x16)mm2 & (4x10)mm2.

Cấp nguồn cho tủ điện điều khiển hệ thống chiếu sáng (ĐKCS) được đấu nối từ sau MCCB trong các tủ điện hạ thế của TBA T1, TBA T2. Từ tủ điện ĐKCS được chia làm 03 lộ (CS1,CS2,CS3) để cấp điện chiếu sáng cho toàn bộ các cột đèn trong khu dân cư quy hoạch.

Cột đèn: Tuyến đèn cao áp sử dụng các vị trí cột có sẵn của tuyến đường dây hạ thế 0,4kV để lắp đặt các bộ chụp cần đèn.

Chụp, cần đèn: Sử dụng các bộ chụp cần đèn - chụp đầu cột CNT (lắp trên ngọn các cột BTLT hạ thế có sẵn). Chụp, cần đèn được chế tạo bằng thép ống mạ kẽm và thép hình, sau gia công được mạ kẽm nhúng nóng.

Bộ đèn: sử dụng bộ đèn LED chiếu sáng đường công suất 120W;

Tiếp địa: Tất cả các cột đèn cao áp được bố trí tiếp địa có trị số điện trở R ≤ 10Ω.

Dây đấu từ tuyến cáp treo - đường trục chiếu sáng lên bộ đèn dùng dây đồng mềm 02 lớp cách điện Cu/PVC/PVC (2x2,5)mm2 luồn trong chụp cần đèn.

1. ***Vị trí đổ thải***

Theo khoản 1, điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì đất thải từ bóc tách tầng đất mặt phải sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Do đó tầng đất mặt bóc tách sẽ được sử dụng để san lấp khu đất cây xanh trong khuôn viên dự án. Phần dư còn lại chủ dự án sẽ làm việc với UBND huyện Trực Ninh thống nhất vận chuyển đến khu vực để sử dụng cho mục đích nông nghiệp theo đúng quy định.

1. ***Khu vực tập kết chất thải rắn***

Chất thải rắn sinh hoạt trong khu dân cư tập trung được thu gom bởi đơn vị chức năng. Chất thải cần được phân loại tại nguồn thành chất thải rắn vô cơ ( Kim loại, thuỷ tinh, giấy, nhựa...) và chất thải rắn hữu cơ ( Thực phẩm thừa, rau, quả, củ...). Hai loại này được để vào thùng chứa riêng. Chất rắn vô cơ được tận dụng đem đi tái chế. Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi xử lý tại khu xử lý chất thải rắn của huyện.

***B. Các hoạt động của dự án***

1. ***Giai đoạn thi công xây dựng***

 + Bóc tách tầng đất mặt.

 + San lấp mặt bằng.

+ Tiến hành thi công hạ tầng kỹ thuật: Thi công hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống bể xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng,..

1. ***Giai đoạn dự án đi vào vận hành***

+ Sau khi giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng xong chủ dự án sẽ tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá vào xây dựng nhà và sinh sống trong khu dân cư.

+ Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao cho UBND huyện Trực Ninh quản lý về địa giới hành chính và các vấn đề về môi trường, triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường,…các công việc này được thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

**\* Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Theo điểm đ khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường dự án yếu tố nhạy cảm là có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích khoảng 91.381,9m2.

## 5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường

Bảng 4: Hạng mục công trình và hoạt động của dự án

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn hoạt động** | **Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án** | **Cách thức thực hiện** | **Các tác động xấu đến môi trường** |
| Giai đoạn chuẩn bị | - Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án. Thiết kế, thẩm định, phê duyệt dự án.- Công tác giải phóng mặt bằng chi trả tiền đền bù. Hoàn thiện thủ tục xin giao đất. | - Lập dự án đầu tư.-Lập và trình phê duyệt thuyết minh dự án.- Lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM.- Hoàn thiện thủ tục giấy tờ, tổ chức họp dân chi trả tiền đền bù. | Không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực. |
| Giai đoạn xây dựng | - Hoạt động bóc tách tầng đất mặt.- San lấp mặt bằng.- Vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị.- Xây dựng các hạng mục công trình: Thi công hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng vv,… | * Bóc tách tầng đất mặt.

- Bơm, đổ cát vào khu vực dự án.- Sử dụng các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.- Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động. | - Bụi, khí thải.- Nước thải sinh hoạt.- Chất thải rắn.- CTNH.- Tiếng ồn.- Các vấn đề xã hội khác. |
| Giai đoạn dự án đi vào khai thác sử dụng | - Chủ dự án tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá vào xây dựng nhà và sinh sống trong khu dân cư.- Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao cho UBND huyện Trực Ninh quản lý và các vấn đề về môi trường, triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường,… các công việc này được thực hiện theo quy định chung của Nhà nước. | - Sử dụng các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.- Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động.- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư. | - Chất thải rắn và CTNH.- Bụi, khí thải.- Nước thải.- Tiếng ồn. |

**5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

### 5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án

* ***Bụi và khí thải***

- Bụi: Phát sinh trong các công đoạn như bóc tách tầng đất mặt, san lấp mặt bằng, hoạt động bốc dỡ, đảo trộn, vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: Bụi đất, bụi đá, bụi cát,…

- Khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: khí SO2, COx, NOx, Hydrocacbon...

+ Khí thải phát sinh do quá trình rải và phun nhựa đườngvới thành phần ô nhiễm chủ yếu là: Hơi dầu, hắc ín, CO, H2S...

+ Khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công như: CH4, NH3, H2S,...

* ***Nước thải***

- Nước thải từ hoạt động xây dựng: Phát sinh chủ yếu là nước thải từ công đoạn rửa cát, đá xây dựng, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị tham gia thi công,…

Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải xây dựng là đất, cát xây dựng, dầu mỡ. Lượng phát sinh khoảng 1m3/ngày.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 60 người, lưu lượng nước thải sinh hoạt tính theo cơ sở định mức nước cấp cho sinh hoạt và số lượng công nhân, lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân lao động khoảng 60 l/người (Theo TCXDVN 33:2006). Thành phần ô nhiễm chính là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD5, COD), các chất dinh dưỡng (NO3‑­­, PO43-) và các vi sinh vật gây bệnh.

* ***Chất thải rắn, chất thải nguy hại***

- Chất thải rắn sinh hoạt của khoảng 60 công nhân tham gia thi công chủ yếu là giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,...khoảng 0.4 kg/người/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng thông thường. Thành phần gồm: Đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ cốt pha,...

- Chất thải nguy hại: Bao gồm dầu mỡ rơi vãi, các giẻ lau dính dầu mỡ, lượng dầu mỡ thải từ các thiết bị, máy móc tham gia thi công, sơn thải, que hàn thải,... khoảng 4.8 kg/giai đoạn xây dựng.

* ***Tiếng ồn, độ rung***

- Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện GTVT, máy bơm nước, máy nổ,...

- Độ rung từ máy đóng cọc, máy cắt kim loại,...quá trình trộn bê tông.

Tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

* ***Các tác động khác***

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai.

### 5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án

* ***Bụi và khí thải***

- Từ hoạt động nấu ăn: Khi đốt cháy khí gas sản sinh ra NOx, SO2, CO có nồng độ thấp.

- Từ các hoạt động giao thông vận tải: Khí thải phát sinh có thành phần chính bao gồm: NOx, SO2, COx, hyđrocacbon,…

- Từ khu lưu giữ chất thải, khu xử lý nước thải tập trung: Thành phần hơi mùi, khí thải gồm CH4, NH3, H2S,...phát sinh từ sự phân huỷ các chất hữu cơ trong chất thải, nước thải.

* ***Nước thải***

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cư dân khu dân cư: 1550 x 100 l/người/ngày=155m3. Thành phần chứa các chất ô nhiễm chủ yếu ở dạng hữu cơ như: COD, BOD5, Nitơ, phốt pho, chất rắn lơ lửng (SS) cao và một số loại vi sinh vật.

* ***Chất thải rắn, chất thải nguy hại***

 - Chất thải rắn sinh hoạt của cư dân khu dân cư khoảng: 1550 x 0,5= 775kg/ngày. Rác thải công cộng khoảng 76 kg/ngày. Thành phần gồm rác thải hữu cơ và vô cơ.

- Chất thải thông thường: Phát sinh bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải tập trung với khối lượng 11.4kg/ngày – 4.161kg/năm.

 - Chất thải nguy hại khoảng 3,5 kg/ngày. Thành phần CTNH chủ yếu gồm: Pin thải, bóng đèn huỳnh quang thải, đồ điện tử hỏng,...

* ***Tiếng ồn, độ rung***

- Nguồn gây tiếng ồn và độ rung chủ yếu từ hoạt động của người dân trong khu dân cư phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu hành trong khu vực và các vùng lân cận.

* ***Các tác động khác***

- Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Cháy nổ, do công trình xuống cấp, thiên tai, sự cố,...

## 5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

***5.4.1. Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng***

1. ***Đối với tiếng ồn***

Chủ dự án sẽ phối hợp với các nhà thầu thi công áp dụng các biện pháp giảm thiểu các tác động cũng như áp dụng các biện pháp an toàn trong quá trình thi công nhằm hạn chế tới mức tối đa các tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra. Không sử dụng các phương tiện thi công cơ giới không đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường. Không thi công trong khoảng thời gian (22 h - 6 h) và (11h - 13 h) để tránh ảnh hưởng tiếng ồn đến khu dân cư,...

1. ***Đối với bụi, khí thải***

Chủ dự án sẽ phối hợp với các nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

* Sử dụng tôn để che khu vực xây dựng gần phía khu dân cư để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;
* Thường xuyên phun ẩm khu vực xây dựng để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;
* Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đảm bảo quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, chở đúng tải trọng cho phép và có bạt che chắn, hạn chế chất thải rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển;
* Không đốt các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án;
* Đối với khí thải phát sinh từ quá trình rải và phun nhựa đường: Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ (ủng, găng tay, quần áo bảo hộ lao động,…) cho công nhân thi công để tránh ảnh hưởng bởi nhiệt, hơi nhựa đường và tai nạn lao động có thể xảy ra. Không rải bê tông nhựa và phun nhựa đường khi có gió to, trời mưa nhằm giảm thiểu hơi mùi nhựa đường phát sinh.
1. ***Đối với nước thải***

Chủ dự án sẽ phối hợp với các nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

* Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ dự án sẽ lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động gần khu vực lán trại (2 m3/bể/nhà vệ sinh). Chất thải từ nhà vệ sinh di động chủ dự án thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom và xử lý với tần suất 2 ngày/lần;
* Đối với nước thải từ quá trình xây dựng: Chủ dự án sẽ khai thông tuyến thoát nước tự nhiên có trong khu vực dự án và đào rãnh thu gom nước xung quanh chân công trình để thoát nước. Nước thải sau thu gom sẽ chảy qua hố ga lắng cặn mỗi hố ga có kích thước 1,5 x 1,5 x 1 m, thể tích khoảng 2,25 m3. Thường xuyên nạo vét cặn lắng trong hố ga, nước thải tái sử dụng để dập bụi;
* Đối với nước mưa chảy tràn: Chủ dự án sẽ tiến hành che chắn nguyên vật liệu tập kết tại công trường để hạn chế nước mưa cuốn trôi các tạp chất bẩn; Đào rãnh tiêu thoát nước kịp thời ra mương tiêu phía Đông dự án (sông Dầm), rồi dẫn thoát ra sông Sẻ tránh hiện tượng ngập úng cục bộ. Thường xuyên cử công nhân thu dọn các chất thải rắn, phế liệu sau mỗi ngày làm việc.
1. ***Đối với chất thải rắn, CTNH***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác (thể tích 100 lít/thùng) tại khu vực dự án để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải địa phương hàng ngày tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung của thị trấn theo quy định;
* Đối với chất thải rắn xây dựng: Chủ dự án sẽ quy hoạch vị trí tập kết phù hợp, thuận tiện trong quá trình vận chuyển và không ảnh hưởng đến quá trình thi công xây dựng đồng thời giám sát nhà thầu thực hiện. Xây dựng kế hoạch vận chuyển và hợp đồng xử lý chất thải xây dựng, thời gian lưu chứa chất thải không quá 02 ngày.
* Đối với bùn đất hữu cơ phát sinh từ quá trình nạo vét diện tích nước bề mặt được vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của thị trấn.
* Đối với chất thải nguy hại: Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau: Chủ dự án sẽ bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5 m2 có mái che bố trí gần khu vực kho chứa sắt thép, xi măng trong khu vực dự án; trong kho bố trí 04 thùng chứa (thể tích 50 lít/thùng). Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

***5.4.2. Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào khai thác sử dụng***

#### Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

* Hệ thống thu gom và xử lý nước thải:

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của dự án (GĐ1) về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 85 m3/ngày (bố trí ở phía Bắc khu cây xanh tập trung CX1) và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra mương tiêu phía Đông dự án (sông Dầm), rồi dẫn thoát ra sông Sẻ.

* Dự án xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng hệ thống thu gom, xử lý nước thải.
* Nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn vào cống thoát nước thải B300 sau nhà và chảy theo cống trên hè D400 để dẫn về 2 bể xử lý nước thải tập trung:

+ Bể số 1 công suất 85m3/ngày.đêm, bố trí tại phía Bắc của khu cây xanh tập trung CX-1, thu gom nước thải của 149 nhà ở liền kề và 24 nhà ở biệt thự.

+ Bể số 2 công suất 110m3/ngày.đêm, bố trí tại phía Nam của khu cây xanh tập trung CX-1, thu gom nước thải của 198 nhà ở liền kề và 18 nhà ở biệt thự.

* Quy trình xử lý nước thải của bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung như sau:

Nước thải sinh hoạt🡪Bể thu gom (01 bể)🡪Bể xử lý sinh học (01 bể) 🡪Bể lắng (01 bể) 🡪Bể khử trùng (01 bể) 🡪Hố ga (nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)🡪cống D400 🡪 mương tiêu phía Đông dự án (sông Dầm) 🡪 sông Sẻ.

1. ***Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH***
* Đối với chất thải rắn thông thường: UBND thị trấn Ninh Cường thống nhất nội quy quản lý rác thải với toàn bộ các hộ dân trong khu, chịu trách nhiệm xử lý rác thải công cộng phát sinh tại khu vực cây xanh, đường nội bộ và bể xử lý nước thải tập trung.
* Rác thải sinh hoạt của từng hộ dân định kỳ sẽ được đội thu gom rác của địa phương thu gom, vận chuyển rác về khu xử lý rác thải của xã để xử lý.
* Đối với bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: được lưu giữ trong các ngăn xử lý và định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.
* Thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt theo quy định tại Khoản 4, Điều 57, Luật BVMT năm 2020, trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định.
* Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải nguy hại: UBND thị trấn Ninh Cường sẽ có các biện pháp tuyên truyền, khuyến khích người dân phân loại rác tại nguồn (để thu gom riêng). Trong trường hợp chất thải nguy hại lẫn với chất thải rắn thông thường, thì đội thu gom rác của xã sẽ tiến hành phân loại, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.
1. ***Công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải***
* Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông
* Trồng và chăm sóc cây xanh dọc các tuyến đường giao thông.
* Cắm biển báo hạn chế tốc độ khi ra vào khu dân cư.
* Biện pháp giảm thiểu hơi mùi từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:
	+ Bể xử lý được xây ngầm trong khuôn viên khu đất cây xanh, các ngăn của bể xử lý thiết kế có nắp đậy bằng bê tông cốt thép để giảm thiểu phát sinh hơi, mùi.
	+ Định kỳ (2-4) tuần/lần tiến hành phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột xung quanh khu vực xử lý nước thải để hạn chế hơi, mùi phát sinh.
* Trồng cây xanh với diện tích khoảng 6.379,9 m2, chiếm tỷ lệ 6,13 % tổng diện tích mặt bằng dự án.
* Để giảm thiểu bụi trong giai đoạn xây dựng nhà ở, các hộ dân thực hiện các biện pháp sau: Sử dụng bạt che chắn khu vực chứa vật liệu xây dựng và tưới nước tạo độ ẩm của vật liệu; Các phương tiện vận chuyển phải chở đúng trọng tải và có bạt che chắn.
1. ***Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác***

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

* *Sự cố cháy nổ, chập điện*
* Trong các khu nhà ở, cháy nổ có thể do mạng lưới cung cấp và truyền dẫn điện, do rò rỉ khí gas. Để đảm bảo an toàn các khu nhà ở sẽ có hệ thống PCCC riêng, bố trí các họng cứu hoả D100 mm tại các góc chuyển, các ngã tư, ngã ba. Khoảng cách giữa các họng cứu hoả ≤ 150 m theo yêu cầu tiêu chuẩn.
* Hệ thống phòng cháy chữa cháy được bố trí phù hợp trong khu dân cư tập trung. Quy mô và thiết bị được bố trí đáp ứng các quy định của Nhà nước về an toàn phòng cháy và được cơ quan chức năng kiểm tra, chấp thuận.
* Mặt bằng được bố trí bảo đảm các tiêu chuẩn phòng chống cháy. Tổ chức hệ thống giao thông nội bộ hợp lý tuân theo các quy định, đảm bảo thoát người và tài sản ra khỏi khu vực nhanh chóng.
* Các trụ và họng cứu hỏa lấy nước từ hệ thống cấp nước sinh hoạt, vị trí được bố trí đều và thuận tiện về mặt giao thông với khoảng cách từ (150 đến 180) m. Mạng lưới cấp nước có áp lực cao, đủ lưu lượng.
* Tuyên truyền cho các hộ gia đình chỉ sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt khi đã được kiểm định như máy nén khí, bình chứa gas, thang máy,...
* Thường xuyên kiểm tra tất cả các thiết bị điện, kịp thời thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, kiểm tra sự an toàn về điện như: Khả năng rò rỉ, chập mạch, điện áp không ổn định, đặc biệt là các đường điện đi trong ống nhựa PVC, các thiết bị máy móc đều được tiếp địa thật an toàn.
* Khi phát hiện rò, rỉ khí gas cần thực hiện những biện pháp xử lý sau: Tuyệt đối không làm phát sinh tia lửa như: Bật/tắt công tắc điện, quạt điện, sử dụng điện thoại di động. Ngay lập tức khóa van cấp gas, mở thông thoáng các cửa, dùng quạt thủ công để làm phát tán khí gas. Nếu thấy chỗ rò, rỉ thì dùng vải ướt quấn quanh chỗ rò, rỉ hoặc dùng xà phòng bánh để bịt lỗ rò, rỉ tạm thời. Nếu xảy ra sự cố khi đang sử dụng phải dùng chăn ướt phủ lên bếp hoặc bình cho tắt lửa hoặc dùng bình chữa cháy phun dập tắt đám cháy, báo ngay cho nhà cung cấp đến xử lý.
* Hàng năm tổ chức tập huấn và diễn tập phương án PCCC trong khu dân cư.
* *Sự cố tai nạn giao thông*
* Quy định tốc độ xe ra vào khu dân cư.
* Quy định trọng tải xe ra vào khu dân cư.
* *Sự cố thiên tai*
* Để hạn chế thiệt hại do bão lũ có thể gây ra, UBND thị trấn Ninh Cường sẽ phối hợp với tổ trưởng của khu dân cư (do dân bầu) lên kế hoạch phòng chống như sau:
* Kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện.
* Kiểm tra hệ thống cơ sở hạ tầng: Hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc, các hạng mục công trình; khơi thông cống rãnh,...
* Định kỳ nạo vét bùn cặn, rác thải trong hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước được khơi thông không bị ách tắc trước mỗi mùa mưa bão.
* Nếu phát hiện hiện tượng bất thường xảy ra nhanh chóng báo với chính quyền địa phương để có phương án giải quyết kịp thời.
* *Biện pháp phòng, chống sét*
* Xây dựng hệ thống chống sét cho hệ thống cột điện trong khu dân cư, các trạm biến áp,…
* Yêu cầu các hộ gia đình, hộ kinh doanh đến sinh sống và làm việc trong khu dân cư phải xây dựng hệ thống chống sét.
* *Sự cố hệ thống xử lý nước thải*
* Quá trình xây dựng, lắp đặt thiết bị của hệ thống bể xử lý nước thải phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của thiết kế.
* Vận hành thường xuyên hệ thống bể xử lý nước thải đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động ổn định nhất.
* Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống để phát hiện và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.
* Hóa chất sử dụng đúng tỷ lệ quy định.
* Hệ thống bể xử lý nước thải phải thường xuyên được duy tu, kịp thời phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.
* Khi hệ thống bể xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, UBND thị trấn sẽ cử cán bộ tiến hành kiểm tra hệ thống bể xử lý nước thải, tìm nguyên nhân có biện pháp khắc phục kịp thời. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) thoát ra mương tiêu phía Đông dự án (sông Dầm), rồi dẫn thoát ra sông Sẻ.
* *Sự cố ngập úng*
* Trường hợp mưa lớn kéo dài dẫn đến hệ thống thoát nước mưa trong khu dân cư không tiêu thoát kịp gây ứ đọng, ngập úng cục bộ. Căn cứ vào tình hình thực tế UBND thị trấn sẽ có những biện pháp cụ thể như sau:
* Khi có dự báo mưa to đến mưa rất to, ban phòng chống lụt, bão của UBND thị trấn sẽ phối phối hợp với người dân trong khu dân cư xác định các khu vực sẽ bị ảnh hưởng ngập để thông tin cảnh báo đến người dân biết nhằm chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống.
* Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn, tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp.
* Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công trình cho người dân.
* Bố trí máy bơm nước để hỗ trợ việc tiêu thoát nước cho khu vực bị ngập úng ngay khi hết mưa.
* Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác.
* Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.
* Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

## 5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

***a. Giai đoạn xây dựng***

***\* Giám sát không khí xung quanh***

* Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực xây dựng dự án, cuối hướng gió, ưu tiên gần khu dân cư (phía Bắc và phía Nam dự án).
* Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng, CO, SO2, NO2.
* Tần suất giám sát: 6 tháng/lần (trong quá trình xây dựng).
* Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

***\* Giám sát nước mặt:***

* Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu lấy tại sông Dầm (nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án).
* Thông số quan trắc, giám sát: pH, BOD5 (20°C), COD, DO, TSS, NH4+, Cl-, F-, NO2- NO3-, As, Cd, Pb, Cr. Cu, Zn, Mn, Hg, Fe, chất hoạt động bề mặt, tổng dầu, mỡ, Coliform, E-coli.
* Tần suất giám sát: 6 tháng/lần (trong quá trình xây dựng).
* Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2015/BTNMT -  Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

***\* Giám sát chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải nguy hại)***

* Vị trí giám sát:

+ Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.

+ Khu vực tập kết chất thải xây dựng.

+ Khu vực tập kết chất thải nguy hại.

* Nội dung giám sát: khối lượng phát sinh, công tác thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định.

***b. Giai đoạn vận hành***

***\* Giám sát nước thải***

* Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu lấy tại vị trí xử lý cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Thông số quan trắc giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống bể xử lý, pH, BOD5, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni (tính theo N), nitrat, phốt phat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.
* Tần suất, quan trắc giám sát: 6 tháng/lần (2 lần/năm).
* Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số áp dụng K = 1 do khu dân cư có 221 hộ>50 hộ).

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

***\* Giám sát chất thải rắn***

* Vị trí giám sát: Khu vực thu gom, tập kết tạm thời CTR.
* Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần CTR, biện pháp phân loại, thu gom CTR,...
* Tần suất quan trắc giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.
* Quy định áp dụng: Luật BVMT 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

## 1. Kết luận

Việc đầu tư xây dựng dự án Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh phù hợp với chiến lược phát triển của địa phương. Bên cạnh đó dự án cũng mang lại hiệu quả xã hội to lớn cho tỉnh Nam Định.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án có các tác động tiêu cực đến môi trường, đời sống, sức khoẻ của cộng đồng dân cư xung quanh. Để đảm bảo hoạt động của dự án không gây ô nhiễm môi trường, chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Trong nội dung báo cáo đã thể hiện đầy đủ môi trường nền khu vực thực hiện dự án, đánh giá được những tác động môi trường khi dự án được triển khai từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành tương ứng. Các phương pháp đề xuất giảm thiểu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường có tính khả thi cần phải được áp dụng, cũng là cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc giữ gìn môi trường trong sạch.

Những biện pháp xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn,...đề cập trong báo cáo hiện nay đang được sử dụng rộng rãi, hiệu quả cao và chi phí xây dựng, lắp đặt vận hành phù hợp, những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng thể hiện trong báo cáo đảm bảo đạt được hiệu quả cao nhất khi dự án được triển khai.

## 2. Kiến nghị

Kính đề nghị các cơ quan có thẩm quyền sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để Dự án được triển khai xây dựng và đưa vào khai thác theo đúng tiến độ.

Chủ dự án đề nghị UBND tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để dự án được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## 3. Cam kết của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là chính xác, đúng sự thật.

- Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và liên tục tiến hành trao đổi, tham khảo ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực thực hiện dự án.

 - Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Cam kết thực hiện các biện pháp hiệu quả, khả thi để đảm bảo chất lượng môi trường và giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

 - Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung bảo vệ môi trường nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết xử lý nước thải theo quy chuẩn đã quy định.

- Cam kết thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình xây dựng.

 - Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn tương đương khi có thay đổi.